



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

THERAGĀTHĀPĀḲI

&

TẠNG KINH - TIỂU BỘ

TRƯỞNG LÃO KỆ

1. 9. 1.

81. Yaṃ mayā pakataṃ pāpaṃ pubbe aññāsu jātisu
idheva taṃ vedanīyaṃ vatthu aññaṃ na vijjati ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā samitigutto thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.
Samitiguttatheragāthā.

1. 9. 2.

82. Yena yena subhikkhāni sivāni abhayāni ca
tena puttaka gacchassu mā sokāpahato bhavā ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā kassapo thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.
Kassapattheragāthā.

1. 9. 3.

83. Sīhappamattā vihara rattindivamatandito
bhāvehi kusalaṃ dhammaṃ jaha sīghaṃ samussayan ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā sīho thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.
Sīhattheragāthā.

1. 9. 4.

84. Sabbarattiṃ supitvāna divā saṅgaṇike rato,
kudassu¹ nāma dummedho dukkhassantaṃ karissatī ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā nīto thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.
Nītattheragāthā.

1. 9. 5.

85. Cittanimittassa kovido pavivekarasaṃ vijāniya,
jhāyaṃ nipako patissato adhigaccheyya sukhaṃ nirāmisān ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā sunāgo thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.
Sunāgattheragāthā.

1. 9. 6.

86. Ito bahiddhā puthu aññavādināṃ
maggo na nibbānagamo yathā ayaṃ,
itissu saṅghaṃ bhagavānusāsati
satthā sayāṃ pāṇitaleva dassayan ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā nāgito thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.
Nāgitattheragāthā.

¹ kudāssu - Ma, Syā, PTS.

1. 9. 1.

81. “Việc ác nào đã được tạo ra bởi tôi trong các kiếp sống khác trước đây, ngay tại đây (trong kiếp này) việc ấy là cảm thọ, sự việc khác không tìm thấy.”

Đại đức trưởng lão Samitigutta đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Samitigutta.

1. 9. 2.

82. “Này con thơ, bất cứ nơi nào mà các việc khát thực dễ dàng, có các sự an toàn, và không có các nỗi sợ hãi, con hãy đi đến nơi ấy. Con chớ bị tác động bởi sầu muộn.”

Đại đức trưởng lão Kassapa đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Kassapa.

1. 9. 3.

83. “Này Sīha, hãy sống, không xao lãng, không biếng nhác, cả ngày lẫn đêm. Hãy phát triển thiện pháp, hãy mau mau từ bỏ thân xác.”

Đại đức trưởng lão Sīha đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Sīha.

1. 9. 4.

84. “Sau khi ngủ trọn đêm, ban ngày thích thú trong việc tụ hội, vậy thì khi nào kẻ có trí tôi sẽ làm chấm dứt khổ đau?”

Đại đức trưởng lão Nīta đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Nīta.

1. 9. 5.

85. “Vị rành rẽ về biểu hiện của tâm, sau khi biết được vị của sự ẩn cư, trong khi tham thiền, thận trọng, có niệm, có thể chúng đạt sự an lạc không liên hệ vật chất.”

Đại đức trưởng lão Sunāga đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Sunāga.

1. 9. 6.

86. “Bên ngoài đây (Giáo Pháp này), đạo lộ của các vị thuyết giáo khác, đủ các hạng, không dẫn đến Niết Bàn giống như cái này, đức Thế Tôn chỉ dạy hội chúng như vậy, bậc Đạo Sư chỉ cho thấy chính lòng bàn tay của mình.”

Đại đức trưởng lão Nāgita đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Nāgita.

1. 9. 7.

87. Khandhā ditṭhā yathābhūtaṃ bhavā sabbe padālitā,
vikkhīṇo jātisaṃsāro natthi dāni punabbhavo ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā pavitṭho thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Pavitṭhattheragāthā.

1. 9. 8.

88. Asakkhiṃ vata attānaṃ uddhātuṃ udakā thalaṃ,
vuyhamāno mahogheva¹ saccāni paṭivijjhahan ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā ajjuno thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Ajjunattheragāthā.

1. 9. 9.

89. Uttiṇṇā paṅkapalipā pātālā parivajjitā,
muttā oghā ca ganthā ca sabbe mānā viṣaṃhatā ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā devasabho thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Paṭhamadevasabhattheragāthā.

1. 9. 10.

90. Pañcakkhandhā pariññātā tiṭṭhanti chinnamūlakā,
vikkhīṇo jātisaṃsāro natthi dāni punabbhavo ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā sāmīdatto thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Sāmīdattattheragāthā.

Navamo vaggo.

TASSUDDĀNAṃ:

Thero samitigutto ca kassapo sīhasavhaya
nīto sunāgo nāgito pavitṭho ajjuno isi,
devasabho ca yo thero sāmīdatto mahabbalo ”ti.

--ooOoo--

¹ mahoghova - Syā.

1. 9. 7.

87. “Các uẩn đã được thấy đúng theo bản thể, tất cả các hữu đã được phá vỡ, việc luân hồi tái sinh đã được triệt tiêu, giờ đây không còn tái sinh nữa.”

Đại đức trưởng lão Pavitṭha đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Pavitṭha.

1. 9. 8.

88. “Quả thật, tôi đã có thể nâng bản thân ra khỏi nước đưa vào đất liền. Trong khi đang bị cuốn trôi ngay ở trong dòng nước lũ, tôi đã thấu triệt các Sự Thật.”

Đại đức trưởng lão Ajjuna đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Ajjuna.

1. 9. 9.

89. “Các bãi bùn và đầm lầy đã được vượt qua, các vực thẳm đã được tránh xa, các dòng nước lũ và các sự trói buộc đã được thoát khỏi, tất cả các sự ngã mạn đã được diệt trừ.”

Đại đức trưởng lão Devasabha thứ nhất đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Devasabha thứ nhất.

1. 9. 10.

90. “Năm uẩn, đã được biết toàn diện, còn tồn tại với gốc rễ đã bị cắt đứt, việc luân hồi tái sinh đã được triệt tiêu, giờ đây không còn tái sinh nữa.”

Đại đức trưởng lão Sāmidatta đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Sāmidatta.

Phẩm thứ chín.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY:

“Vị trưởng lão Samitigutta, vị Kassapa, vị có tên Sīha, vị Nīta, vị Sunāga, vị Nāgita, vị Pavitṭha, vị ẩn sĩ Ajjuna, vị Devasabha, và vị trưởng lão Sāmidatta có năng lực vĩ đại.”

--ooOoo--